TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHĨA LỘ** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Vĩnh,

2. Ông Hà Văn Tý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái*** tham gia phiên toà**:** Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị V, sinh năm 1995,
Địa chỉ: Thôn L, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
(Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lò Văn T, sinh năm 1990,
Địa chỉ: Thôn L, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.
(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai tại tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị V trình bày: Chị và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2017 tại UBND xã P, huyện V (nay thuộc thị xã N), tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh T có biểu hiện sử

dụng chất ma túy, mặc dù đã được chị V tham gia góp ý nhưng anh T vẫn không sửa chữa, vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên không quan tâm đến nhau. Từ đầu năm 2022 chị và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị V xác định không còn tình cảm đối với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị V đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị V; xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T đồng thời triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T đều cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh tại cơ sở ngày 22/11/2023 thể hiện, chị V và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh T có biểu hiện sử dụng chất ma túy, vợ chồng thường xuyên đi làm ăn xa nên không quan tâm đến nhau, khi anh chị xảy ra mâu thuẫn cũng đã được gia đình nhắc nhở khuyên bảo nhiều nhưng không có kết quả, từ khoảng đầu năm 2022 chị V và anh T đã ly thân, chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã T, thị xã N, tỉnh Yên Bái sinh sống hai người không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị V làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị V không có con chung.

Chị V đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật là không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị V, xử cho chị Đinh Thị V được ly hôn với anh Lò Văn T.

+ Về con chung: Chị V và anh T không có con chung.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Ngày 08/10/2023 chị Đinh Thị V có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lò Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- HNGĐ, Giấy triệu tập, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2023, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Đinh Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị V và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 20/9/2017 tại UBND xã P, huyện V (nay thuộc thị xã Nghĩa Lộ), tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không quan tâm đến nhau, tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù đã được gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả, anh T có biểu hiện sử dụng chất ma túy. Từ khoảng đầu năm 2022 chị V và anh T đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa, thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị V và anh T không có con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị V được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2022/0000845 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị V và anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Phù Nham;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Quốc Hưng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Phù Nham;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Hưng